TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HSST
Ngày 25 tháng 2 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***: Ông Nguyễn Ánh Dương
* ***Các Hội thẩm nhân dân***:
1. Ông Nguyễn Lâm Giang.
2. Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Kiểm sát viên .

Trong ngày 25 tháng 2 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2022/HSST ngày 10 tháng 2 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/HSST- QĐ ngày 15 tháng 2 năm 2022 đối với bị cáo:

* Họ tên: Thân Văn D, sinh ngày 10/02/2004; Giới tính: Nam
- Tên gọi khác: Không
Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B.
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
- Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 11/12.
- Họ tên cha: Thân Văn N, sinh năm 1977.
- Họ tên mẹ: Giáp Thị Q, sinh năm 1978.
- Vợ; con: Chưa có.
- Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.
- Tiền án; tiền sự: Chưa.
- Bị cáo tại ngoại được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Thân Văn D:**
- Bà Nguyễn Thị H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:**
- Anh Giáp Văn H, sinh năm 1999 (Vắng mặt tại phiên tòa)
Trú tại: thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
- Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1993 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: tổ dân phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh B.
- Ông Thân Văn N, sinh năm 1977(Có mặt tại phiên tòa)
Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B.

*** Người làm chứng :**
- Anh Đỗ Văn T, sinh năm 2003(Vắng mặt tại phiên tòa)
Trú tại: thôn V, xã S, thành phố B, tỉnh B.
- Anh Bàn Vũ T, sinh năm 2001(Vắng mặt tại phiên tòa)
Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh B.
- Cháu Giáp Văn T, sinh ngày 19/3/2004 (Có mặt tại phiên tòa)
Trú tại: thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B.
- Anh Giáp Việt A, sinh ngày 23/01/2004 (Có mặt tại phiên tòa)
Trú tại: thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B.
- Anh Thân Quốc Toản, sinh năm 2004 (Có mặt tại phiên tòa)
Trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B.
- Bà Giáp Thị Q, sinh năm 1978 (Có mặt tại phiên tòa)
Trú tại: Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B.

* Đại diện hợp pháp của cháu Giáp Văn T:
- Anh Giáp Văn H, sinh năm 1983(Vắng mặt tại phiên tòa)
Trú tại: thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B.

* Đại diện theo ủy quyền của bà Giáp Thị Q:
- Ông Thân Văn N, sinh năm 1977(Có mặt tại phiên tòa)
Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 10/10/2021, anh Giáp Văn H, sinh năm 1999 ở thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh Bcó gọi điện thoại cho Thân Văn D, sinh ngày 10/02/2004 ở thôn N, xã V, huyện T bảo D sang nhà H ăn cơm uống rượu. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, anh Giáp Văn Thân, sinh ngày 19/3/2004, trú tại thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B đi xe mô tô đến nhà D chở D đến nhà H để cùng ăn cơm. Trong quá trình ăn cơm tại nhà H cùng với một số bạn của H thì H có mở nhạc bằng loa Bluetooth kết nối với điện thoại của H. Lúc này có Đỗ Văn T, sinh năm 2003 (là bạn của H) đang cầm chiếc điện thoại Iphone XS max, màu vàng của H để mở nhạc nghe. Sau

khi D ăn cơm xong, D lên giường ngồi, một số bạn của H vẫn đang ngồi ăn cơm. Do D muốn mở nhạc khác để nghe nên D bảo anh Tâm đưa cho D mượn chiếc điện thoại của H để D tắt kết nối điện thoại của H với loa Bluetooth để D mở nhạc bằng điện thoại của D. Sau khi kết nối và mở nhạc từ điện thoại của D xong thì D để chiếc điện thoại của D và chiếc điện thoại Iphone XS max của H ở đầu giường ngay cạnh chỗ mọi người đang ngồi ăn cơm, sau đó D ra bàn uống nước ở ngoài hiên nhà H ngồi chơi uống nước. Khoảng 13 giờ cùng ngày thì D đi vào đầu giường trong nhà H để lấy điện thoại ra về, lúc này D thấy không có ai để ý nên D nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của H bán lấy tiền ăn tiêu. D cầm chiếc điện thoại của D và chiếc điện thoại Iphone XS max của H đút vào túi quần rồi bảo Giáp Văn Thân chở D đến nhà bạn là Giáp Việt Anh, sinh ngày 23/01/2004 ở thôn Ngọc Trai, xã Việt Lập, huyện Tân Yên chơi. Trên đường đi do D thường xuyên sử dụng điện thoại của H nên D biết mật khẩu, D bỏ điện thoại của H ra và mở máy bằng mật khẩu "811199" rồi bật điện thoại ở chế độ máy bay rồi lại đút điện thoại vào túi quần. Khi đến nhà Việt Anh, D ngủ lại tại nhà Việt Anh, đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H không thấy điện thoại nên hỏi anh Tâm điện thoại của H đâu thì được anh Tâm nói cho biết là anh Tâm đã đưa điện thoại cho D cầm. H có gọi cho D qua ứng dụng Facebook Messenger và hỏi D có cầm điện thoại của H không thì D nói là D không cầm điện thoại của H, H bảo D đến nhà H cùng tìm điện thoại. Sau khi nghe điện thoại của H xong thì D nhờ Thân Quốc Toản, sinh năm 2004 trú tại Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B (là bạn D) chở D đến nhà H để tìm điện thoại cho H (lúc này D vẫn đút chiếc điện thoại của Hà trong túi quần). Tại nhà H, H có nói về việc bị mất chiếc điện thoại và hỏi D xem có thấy điện thoại của H ở đâu không thì D nói sau khi tắt kết nối với loa Bluetooth xong thì D để điện thoại của H ở đầu giường, D không biết điện thoại ở đâu. Sau khi cùng tìm điện thoại với H được 05 phút không thấy nên H mượn xe mô tô của bạn chở D về nhà D để D lấy xe mô tô chở H đi uống nước, còn H điều khiển xe mô tô về nhà trả cho bạn H. Khi về nhà lấy xe mô tô, D bỏ chiếc điện thoại trộm cắp được của H trong túi quần ra để trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Wave của gia đình (D không nhớ biển kiểm soát), sau đó D điều khiển xe mô tô đến nhà H và chở H đến cổng trường Cao đẳng sư phạm Ngô Gia T, B ở thôn 284, xã Q, huyện T uống nước cùng với bạn của H đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì ra về.

Khoảng 22 giờ ngày 10/10/2021, D về nhà bỏ chiếc điện thoại trong cốp xe ra, D mở khóa bằng mật khẩu "811199" kiểm tra nội dung bên trong điện thoại, D thấy trong ứng dụng "ghi chú" có nội dung lưu tài khoản và mật khẩu của tài khoản Icloud đang đăng nhập trên máy Iphone của H nên D đã nhập mật khẩu "Giapha 99" để thoát Icloud ra khỏi máy Iphone của H và xóa hết dữ liệu trong điện thoại, đồng thời tháo sim điện thoại ra khỏi máy mục đích ngày hôm sau sẽ mang điện thoại trộm cắp được của H bán lấy tiền tiêu xài.

Sáng ngày 11/10/2021, D dậy cầm chiếc sim điện thoại của H vứt xuống ao, còn chiếc điện thoại D cất giấu ở dưới gối giường ngủ của D, sau đó D đi làm. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, D đi làm về và sử dụng tài khoản Facebook D Tino của

mình để nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1993, trú tại tổ dân phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh B là chủ cửa hàng điện thoại Nét Chuối hỏi bán chiếc điện thoại Iphone XS max được bao nhiêu tiền thì anh T nói phải mang máy lên cửa hàng mới biết được. Khoảng 19 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave của gia đình mang theo chiếc điện thoại Iphone XS max mà D trộm cắp được của H đến cửa hàng Nét Chuối gặp anh T. Anh T kiểm tra máy, do máy bị vỡ nắp lưng nên anh T trả giá 7.500.000 đồng, D đồng ý bán cho anh T chiếc điện thoại trên với giá 7.500.000 đồng, số tiền bán điện thoại D đã ăn tiêu cá nhân hết.

Ngày 13/10/2021, sau khi không tìm thấy điện thoại, H có làm đơn trình báo đến Công an huyện T. Ngày 14/10/2021, do nhận thức về hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên D đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện T đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đồng thời D giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, có số Imei 356568082875457, gắn sim số 0395.172.143 điện thoại bị nứt vỡ màn hình.

Cùng ngày 14/10/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện T đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Thân Văn D. Kết quả khám xét không phát hiện thu giữ gì liên quan đến vụ án.

Ngày 10/11/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện T yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên định giá đối với chiếc điện thoại Iphone XS max, màu vàng mà D trộm cắp của H trị giá bao nhiêu tiền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 77/KL-ĐGTS ngày 11/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên kết luận:

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS max màu vàng, điện thoại cũ, đã qua sử dụng, được mua vào tháng 9 năm 2021 có giá 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

- 01 (một) chiếc sim số 0332.825.913 có giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng)

Tổng giá trị tài sản: 11.550.000 đồng (Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). (BL số 41)

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã làm việc với anh Nguyễn Xuân T, anh T xác định ngày 11/10/2021 anh có mua 01 chiếc điện thoại Iphone XS max của một người có tài khoản Facebook "D Tino" với giá 7.500.000 đồng nhưng ngày hôm sau anh T đã bán chiếc điện thoại trên cho một người khách không quen biết nên Cơ quan điều tra Công an huyện T không thu hồi được chiếc điện thoại này.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T cho anh Nguyễn Xuân T nhận dạng qua ảnh để xác định đối tượng đến cửa hàng của anh T bán chiếc điện thoại Iphone XS max cho anh T vào ngày 11/10/2021. Kết quả nhận dạng anh T xác định Thân Văn D là người đã bán cho anh chiếc điện thoại trên vào ngày 11/10/2021 (BL số 90-91).

Đối với anh Giáp Văn T, Giáp Việt A đều không biết việc D trộm cắp điện thoại của H nên Giáp Văn T và Giáp Việt A không vi phạm pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Xuân T khi mua điện thoại của D, anh T không biết chiếc điện thoại đó là điện thoại do D phạm tội mà có nên anh T không vi phạm pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave mà D sử dụng để cất giấu chiếc điện thoại trộm cắp và đi bán điện thoại là chiếc xe mô tô của vợ chồng ông Thân Văn N, sinh năm 1977 và Giáp Thị Q, sinh năm 1978 ở thôn N, xã V, huyện T (là bố mẹ đẻ của D). Việc D sử dụng chiếc xe mô tô trên để cất giấu điện thoại và đi tiêu thụ điện thoại ông N và bà Q không biết nên ông N và bà Q không vi phạm pháp luật, Cơ quan điều tra không thu hồi chiếc xe mô tô này.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 5 mà D sử dụng liên lạc với anh T để bán điện thoại, chiếc điện thoại này D đã bán cho một cửa hàng điện thoại không biết tên, địa chỉ ở thành phố Bắc Giang nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại này.

Đối với chiếc sim điện thoại số 0332.825.913 của H, D đã vứt chiếc sim này xuống ao nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc sim điện thoại này.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, có số Imei 356568082875457, gắn sim số 0395.172.143 là điện thoại của D không sử dụng vào việc phạm tội.

Quá trình điều tra D đã tác động gia đình mua chiếc điện thoại Iphone XS max mới trả cho H, đến nay H không yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại.

Bản Cáo trạng số: 16/CT-VKS, ngày 08/2/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố Thân Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Thân Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điểm b, Điểm i, Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 91; Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo Thân Văn D từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Thân Văn D cho UBND xã V, huyện T, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

Trả lại cho bị cáo Thân Văn D chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, có số Imei 356568082875457, gắn sim số 0395.172.143 là điện

thoại của D không sử dụng vào việc phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

** Người bào chữa cho bị cáo Thân Văn D là bà Nguyễn Thị H phát biểu:* Về hành vi phạm tội, tội danh, điều khoản áp dụng đối với bị cáo là đúng, không tranh luận . Đề nghị HĐXX áp dụng điều luật như đại diện Viện kiểm sát, đề nghị xem xét bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên, do nhận thức về xã hội, pháp luật có sự hạn chế, bồng bột nên phạm tội, đề nghị xử phạt mức thấp nhất và cho bị cáo được hưởng mức án treo để có điều kiện cải tạo thành người tốt.

Bị cáo Thân Văn D nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải. Đề nghị cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 13 giờ ngày 10/10/2021, tại gia đình anh Giáp Văn H ở thôn Đ, xã V, huyện T, tỉnh B, Thân Văn D, sinh ngày 10/02/2004 ở Thôn N, xã V, huyện T, tỉnh B đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS max, màu vàng có gắn sim số 0332.825.913 trị giá 11.550.000 đồng của anh Giáp Văn H.

Lời khai nhận tội của bị cáo Thân Văn D phù hợp với: Đơn xin đầu thú, Bản tự khai và lời khai của bị cáo Thân Văn D, phù hợp đơn trình báo, lời khai của bị hại Giáp Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Thân Văn D đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: không có.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Sau khi phạm tội bị cáo tác động đến bố đẻ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ông Ngoại bị cáo là Giáp Văn Trình được thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Nên, bị cáo Thân Văn D được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, Điểm i, Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS.

[5] Xem xét nhân thân của bị cáo Thân Văn D là người chưa có tiền án, chưa có tiền sự. Tại thời điểm phạm tội thì bị cáo Thân Văn D là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bản thân bị cáo D ngoài lần vi phạm này thì chưa có lần vi phạm pháp luật nào khác. Bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, quá trình sinh sống ở địa phương luôn chấp hành tốt pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét thấy việc không bắt bị cáo D đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhằm đề cao chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho họ sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, do vậy đối với bị cáo D không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo Thân Văn D được hưởng mức án treo theo quy định tại Điều 65 của BLHS cũng đủ để bị cáo D lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 173 BLHS đối với bị cáo D.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Quá trình điều tra D đã tác động bố đẻ Thân Văn N mua chiếc điện thoại Iphone XS max mới trả cho anh Giáp Văn H. Đối với chiếc sim điện thoại số 0332.825.913 của H, D đã vứt chiếc sim này xuống ao nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc sim điện thoại này để xử lý. Đến nay anh Giáp Văn H, anh Thân Văn N không yêu cầu hoặc đề nghị gì liên quan việc bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã làm việc với anh Nguyễn Xuân T, anh T xác định ngày 11/10/2021 anh có mua 01 chiếc điện thoại Iphone XS max của một người có tài khoản Facebook "D Tino" với giá 7.500.000 đồng nhưng ngày hôm sau anh T đã bán chiếc điện thoại trên cho một người khách không quen biết nên Cơ quan điều tra Công an huyện T không thu hồi được chiếc điện thoại này. Nay anh T không yêu cầu hoặc đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

[7] Áp dụng Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

Trả lại cho bị cáo Thân Văn D chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, có số Imei 356568082875457, gắn sim số 0395.172.143 là điện thoại của D không sử dụng vào việc phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với anh Giáp Văn T, Giáp Việt A đều không biết việc D trộm cắp điện thoại của H nên Giáp Văn Thân và Giáp Việt Anh không vi phạm pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Xuân T khi mua điện thoại của D, anh T không biết chiếc điện thoại đó là điện thoại do D phạm tội mà có nên anh T không vi phạm pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave mà D sử dụng để cất giấu chiếc điện thoại trộm cắp và đi bán điện thoại là chiếc xe mô tô của vợ chồng ông Thân Văn N và Giáp Thị Q (là bố mẹ đẻ của D). Việc D sử dụng chiếc xe mô tô trên để cất giấu điện thoại và đi tiêu thụ điện thoại ông N và bà Q không biết nên ông N và bà Q không vi phạm pháp luật, Cơ quan điều tra không thu hồi chiếc xe mô tô này là đúng.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 5 mà D sử dụng liên lạc với anh T để bán điện thoại, chiếc điện thoại này D đã bán cho một cửa hàng điện thoại không biết tên, địa chỉ ở thành phố Bắc Giang nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại này để xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, Điểm i, Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 91; Điều 65 của BLHS.

2. Xử phạt: Bị cáo Thân Văn D 08 tháng tù, cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Thân Văn D cho UBND xã V, huyện T, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

Trả lại cho bị cáo Thân Văn D chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, có số Imei 356568082875457, gắn sim số 0395.172.143 là điện thoại của D không sử dụng vào việc phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Thân Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- TAND Tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hs, Vp.

Nguyễn Ánh Dương